

Số: **528** /QĐ-BNN - XD

Hà Nội, ngày **22** tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu

Dự án Cải tiến, nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006-2010

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định số 3218/QĐ-BNN-XD ngày 31/10/2006 và số 3571/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt Dự án Cải tiến, nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ các Quyết định số 582/QĐ-BNN-XD ngày 28/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt kế hoạch đầu thầu Dự án Cải tiến, nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006-2010;

Xét Tờ trình số 09/TTr-CN-VPDA ngày 28/02/2011 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi xin phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu Dự án Cải tiến, nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006-2010 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại báo cáo thẩm định số: 216/XĐ-CD ngày 16/3/2011),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu Dự án Cải tiến, nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006-2010 có tổng mức đầu tư là: 60.404.878.000 đồng (Sáu mươi tỷ, bốn trăm linh bốn triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng) với nội dung chính như sau:

1. Phần công việc đã thực hiện: 14 gói thầu với tổng giá trị là: 37.532.067.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

2. Phần công việc không áp dụng đấu thầu: Bao gồm Ban quản lý dự án; Lệ phí thẩm định dự án; Đào tạo, tập huấn sản xuất giống nước ngoài; Thẩm tra phê

duyet quyết toán; Dự phòng với tổng giá trị là: 2.178.937.000đồng (Hai tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

3. Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu: 17 gói thầu với tổng giá trị là: 20.693.874.000đồng (Hai mươi tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi tư ngàn đồng).

Điều 2. Tên gói thầu, giá dự toán gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, thời gian thực hiện hợp đồng và hình thức hợp đồng: Theo phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này.

Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Điều 3. Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Chủ đầu tư) tổ chức thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế tiếp theo phù hợp với thiết kế cơ sở đã được duyệt; phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đúng cam kết tại Tờ trình số 09/TTr-CN-VPDA ngày 28/02/2011, khi lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu.

Điều 4. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 582/QĐ-BNN-XD ngày 28/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các: Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Chăn nuôi, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

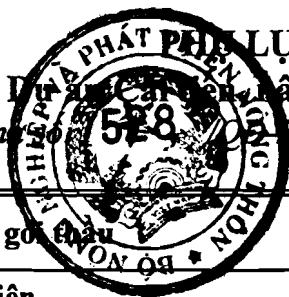
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Kho bạc NN Hà Nội, Hải Dương;
- Cục Chăn nuôi;
- Trung tâm NC gia cầm Thụy Phương;
- Vụ TC, KH;
- Lưu: VT, XD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng



LỤC: Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu
Dự án Cải tạo và nâng cao chất lượng giống vịt, ngan giai đoạn 2006-2010
(Kèm theo Quyết định số 528/QĐ-BNN-XD ngày 22/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)
Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Phần công việc đã thực hiện	37.532.067					
1	Lập dự án đầu tư và điều chỉnh dự án	182.271	Chi định thầu	1 túi hồ sơ	2006/2010	Theo tỷ lệ phần trăm	60 (ngày)
2	Gói số 1: Khu điều hành sản xuất (Cải tạo nhà làm việc chuyên gia; Ga ra ô tô, xe máy, xe đạp)-Hệ thống cấp nước (Cải tạo trạm, cấp nước khu ấp, trại ngan)- Hệ thống đường, hàng rào (Đường vào trại ngan; Hàng rào ngăn cách khu dân cư -theo Quyết định số 144/QĐ-CN-KHTC ngày 22/9/2008)	2.126.588	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý III/2008	Theo đơn giá	155 (ngày)
3	Gói số 3: Khu trại vịt (Cải tạo chuồng sinh sản cá thể; Chuồng vịt hậu bị; Kè đá; Bỏ sung sân đường nội khu; Xử lý nước thải -theo Quyết định số 145/QĐ-CN-KHTC ngày 22/9/2008)	3.406.565	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý III/2008	Theo đơn giá	155 (ngày)
4	Gói số 4: Khu trại vịt (Hệ thống thủy lợi; Chuồng vịt sinh sản cá thể -theo Quyết định số 333/QĐ-CN-VPDA ngày 02/12/2009)	3.311.821	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2009	Theo đơn giá	150 (ngày)
5	Gói số 5: Khu ấp trứng (Nhà ấp trứng; Nhà nuôi úm chờ sản xuất sản phẩm; Sân đường, thoát nước nội khu -theo Quyết định số 157/QĐ-CN-VPDA ngày 30/7/2009)	2.365.865	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý III/2009	Theo đơn giá	135 (ngày)
6	Gói số 6: Khu ấp trứng (Hàng rào bảo vệ, kè đá; Tôn, san lấp mặt bằng) - Khu trại ngan (Kè đá; Tôn, san lấp mặt bằng -theo Quyết định số 4148/QĐ-BNN-XD ngày 24/12/2007 và số 06/QĐ-CN-VPDA ngày 21/01/2011)	7.679.157	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2007	Theo đơn giá	155 (ngày)
7	Gói số 7: Khu trại ngan (Chuồng ngan sinh sản cá thể; Chuồng ngan sinh sản quần thể(2 chuồng); Chuồng ngan hậu bị; Chuồng ngan con; Chuồng ngan cách ly -theo Quyết định số 289/QĐ-CN-VPDA ngày 06/11/2009)	9.770.133	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2009	Theo đơn giá	165 (ngày)

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Hướng thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian hiện hành
8	Gói số 8: Khu trại ngan (Nhà chứa phân; Kho vôi dăm bảo; Kho chứa thức ăn, vật tư, vệ sinh thú y; Nhà cách ly dịch; Sân đường thoát nước nội khu; Hàng rào, cổng, hồ khử trùng; Xử lý thức thải + thoát nước -theo Quyết định số 290/QĐ-CN-VPDA ngày 06/11/2009)	3.643.378	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2009	Theo đơn giá	135 (n)
9	Gói số 9: Máy áp, máy nở (theo Quyết định số 308/QĐ-CN-VPDA ngày 13/11/2009)	1.703.000	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2009	Trọn gói	60 (n)
10	Gói số 12: Nhập nội giống (theo Quyết định số 161/QĐ-CN-VPDA ngày 13/11/2009)	2.582.072	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2008	Trọn gói	90 (n)
11	Gói số 14: Lập Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán (theo Quyết định số 01 QĐ/GCTP ngày 02/01/2007)	398.000	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2007	Trọn gói	60 (n)
12	Gói số 15: Thẩm tra Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán (theo Quyết định số 02 QĐ/GCTP ngày 05/02/2007)	42.240	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2007	Trọn gói	20(n)
13	Gói số 16: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	30.167	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2007	Trọn gói	60 (n)
14	Gói số 17: Giám sát thi công công trình (theo Quyết định số 240 QĐ/DA-GCTP ngày 25/12/2007)	290.810	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý IV/2007	Trọn gói	Theo t
II	Phần công việc không áp dụng đấu thầu	2.178.937					
1	Chi phí Ban quản lý dự án	945.440					
	<i>Chi phí Ban quản lý dự án (vốn sự nghiệp)</i>	60.000					
	<i>Chi phí Ban quản lý dự án (vốn xây dựng cơ bản)</i>	885.440					
2	Thẩm định dự án	30.000					
3	Đào tạo, tập huấn sản xuất giống nước ngoài	157.097					
4	Thẩm tra và quyết toán	46.400					
5	Dự phòng	1.000.000					
III	Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu	20.693.874					
1	Gói số 21: Khảo sát địa hình, địa chất (kè đường vào trại)	100.000	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2011	Trọn gói	60 (n)
2	Gói số 22: Lập Thiết kế BVTC - Tổng DT (điều chỉnh)	253.022	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2011	Trọn gói	90 (n)
3	Gói số 23: Thẩm tra TKBVTC - Tổng DT (điều chỉnh)	30.000	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2011	Trọn gói	45 (n)
4	Gói số 16: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	28.639	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2011	Theo tỷ lệ phần trăm	60 (n)
5	Gói số 2: Hệ thống cấp điện (Trạm biến áp 100kVA, khu ấp, trại ngan)	2.348.814	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Theo đơn giá	150 (n)

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán chọn nhà thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
6	Gói số 10: Thiết bị chăn nuôi (Thiết bị chuồng cũi; Thiết bị chuồng cá thể; Thiết bị chuồng quần thể; Thiết bị chuồng quần thể; Máy bơm rửa chuồng)	1.143.970	Chào hàng cạnh tranh	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Trọn gói	120 (ngày)
7	Gói số 11: Thiết bị khác (Máy đo độ PH; Xy lanh; Thiết bị thụ tinh nhân tạo ngan; Máy hút ẩm; Tủ đựng; Tủ thí nghiệm; Tủ sấy diệt trùng; Cân điện tử; Nồi hấp cách thủy 12 lít; Thiết bị đo độ ẩm hạt; Tủ lạnh bảo quản thuốc; Bộ đồ mổ gia cầm; Máy phun thuốc sát trùng; Máy điều hoà; Máy vi tính +in; Máy cắt cỏ), máy phát điện 250kVA	1.143.970	Chào hàng cạnh tranh	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Trọn gói	120 (ngày)
8	Gói số 13: Nuôi thích nghi, xây dựng mô hình	2.628.788	Tự thực hiện	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Trọn gói	135 (ngày)
9	Gói số 25: Công+nghệ thường trực; Hàng rào hoa sắt; Hệ thống cấp nước (Giếng khoan; Trạm xử lý nước+téc); Rãnh dọc tuyến đường vào trại ngan; Làm hè (đường liên xã)	1.811.401	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Theo đơn giá	150 (ngày)
10	Gói số 26: Khu trại vịt (Kè hồ; Kè công trước trại); Khu trại ngan (Kè hồ 2,8ha)	1.892.525	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Theo đơn giá	180 (ngày)
11	Gói số 27: Nhà ấp trứng	1.789.940	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Theo đơn giá	180 (ngày)
12	Gói số 28: Khu trại ngan (Đường nội khu); Đường tách khu dân cư (phía cuối trại); Đường từ Quốc lộ 5 vào khu điều hành (Cải tạo / nối từ đường LX vào khu điều hành)	1.953.036	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Theo đơn giá	180 (ngày)
13	Gói số 29: Kè đường vào trại (phía bờ sông bắc Hưng Hải)	4.446.981	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Theo đơn giá	180 (ngày)
14	Gói số 24: Giám sát thi công công trình	247.438	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2011	Theo tỷ lệ phần trăm	Theo tiến độ
15	Gói số 18: Giám sát và kiểm định lắp đặt thiết bị	20.000	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Theo tiến độ	Theo tỷ lệ phần trăm	Theo tiến độ
16	Gói số 19: Bảo hiểm	50.000	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Trọn gói	30 (ngày)
17	Gói số 20: Kiểm toán	139.200	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý IV/2011	Theo tỷ lệ phần trăm	60 (ngày)
Tổng cộng		60.404.878					
(Sáu mươi tỷ, bốn trăm linh bốn triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng)							